

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG BỒ TÁT TẶNG
VĂN THÙ SỰ LỢI CĂN BẢN NGHI QUỸ
(Ārya-mañjuśrī-mūla-kalpa)
QUYÊN THỨ NHẤT

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tâm Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thích Hồng Lô
Thiếu Khanh_ Minh Giáo Đại Sư (kẻ bày tôi là) THIÊN TỨC TÀI phụng chiếu dịch
Sưu tập Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

TỰA
PHẨM THỨ NHẤT

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Thế Tôn trụ trên Trời **Tịnh Quang** (Śuddhāvāsa), Chúng Bồ Tát thanh tịnh chưa từng có, chẳng thể nghĩ bàn, tập hội tại Bồ Đề Đạo Trường

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo **Tịnh Quang Thiên Tử** (Śuddhāvāsa-kāyina-devaputra): “Nay Bồ Tát này là **Vị Tăng Hữu Bất Tư Nghị Hạnh Tối Thượng Thần Thông Biến Hóa Tam Ma Địa Giải Thoát Đạo Trường Bồ Tát** (Acintyādbhuta-prātihārya-caryā-samādhi-śuddhi-viśeṣa-vimokṣa-maṇḍala-bodhisatva) dùng **Chân Ngôn Cú** (Mantra-pāda) lợi ích tất cả chúng sinh, không có bệnh, sống lâu. Nguyên cho tất cả chúng sinh viên mãn phú quý”

Bấy giờ Tịnh Quang Thiên Tử ấy chấp tay, cung kính, phát lời như vậy:”Đức Thế Tôn đã nói Tam Ma Địa tối thượng mà Bồ Tát đã hành, ngồi tòa **Kim Cương** (Vajrāsana), giảng phục Ma oán, chuyên **bánh xe Diệu Pháp** (Sad-dharma-cakra). Là tất cả sự khổ não, bệnh tật, nghèo túng của Thế Gian, hành Chân Ngôn của Thế Gian khiến cho tất cả ước nguyện viên mãn. Tất cả lời dạy bảo của Đức Như Lai vì làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nay con suy nghĩ việc đó như vậy”

Lúc đó Đức **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākyamuṇi-buddha) quán sát trên cõi Trời Tịnh Quang, nhập vào Tam Ma Địa (Samādhi) tên là **Thanh Tịnh Cảnh Giới Phá Âm Quang Minh** (Viśuddha-viśaya-jyotir-vikaraṇa-vidhvamsinī). Khi nhập vào Định ấy thời từ tam tinh của Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn, tên là **Khai Hoa Chiếu Bồ Tát** (Saṃkusmita-bodhisatva-saṅcodanī). Lại phóng ra vô số trăm ngàn na do tha câu chi ánh sáng nhiều quanh Đức Phật ba vòng. Nhiều xong, đi qua ba ngàn Đại Thiên Thế Giới. Lại vượt hơn trăm ngàn hằng hà sa đấng Thế Giới ở phương Đông Bắc, chỗ ấy có Thế Giới tên là **Khai Hoa** (Saṃkusmita), Đức Phật Thế Tôn ấy tên là **Khai Hoa Vương Như Lai** (Saṃkusmita-tathāgata), cõi ấy có Đồng Tử tên hiệu là **Diệu Cát Tường** (Mañjuśrī-kumāra-bhūta), quá khứ thực hành **Đại Nguyện Lực** cùng với Bồ Tát Ma Ha Tát trụ chung một chỗ. Vị ấy nhìn thấy ánh sáng xong, khuôn mặt mỉm cười bảo bảo các chúng Bồ Tát ấy rằng: “Này **Phật Tử** (Jina-putra)! Ánh sáng soi chiếu, chúng ta có thể cùng nhau đi”

Khi ấy Diệu Cát Tường Đồng Tử Bồ Tát Ma Ha Tát vui vẻ quán sát hết thấy ánh sáng, hướng mặt về phương đó rồi trụ.

Bấy giờ ánh sáng ấy lại chiếu Thế Giới **Khai Hoa** đó với Đức Thế Tôn **khai Hoa Vương Như Lai** ấy. Lại nhiều quanh ba vòng, sau đó nhập vào trên đỉnh đầu của Diệu Cát Tường Đồng Tử.

Khi ấy Diệu Cát Tường Đồng Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Đức Thế Tôn Khai Hoa Vương Như Lai ba vòng, cúi đầu mặt làm lễ, quỳ gối phải sát đất, bạch với Đức Khai Hoa Vương Như Lai rằng: “Đức **Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác** (Bhagavate Śākyamuṇāye tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya) phóng ánh sáng triệu con. Nay con muốn qua chỗ của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật ở Thế Giới **Sa Bà** (Saha-lokadhātu) cung kính, đỉnh lễ, tùy hỷ tất cả **Chân Ngôn Hạnh** (Mantra-caryā), **Thành Tựu Kết Đàn** (Sādhana-upayika-maṇḍala-vidhāna), **Nghi Quỹ bí mật, tranh vẽ gia trì** (Kalpa-rahasya-ṣaṭala-vidhāna-rūpa) với **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Bí Mật Tâm Ấn** (Sarva-tathāgata-hṛdaya-guhyā-mudra-abhiṣeka) hay khiến cho tất cả chúng sinh viên mãn ước nguyện”

Như vậy nói xong. Lúc đó Khai Hoa Vương Như Lai bảo Diệu Cát Tường Đồng Tử rằng: “Nay thích hợp với hết thấy việc vui Nguyện của ông, ông mau đến chốn ấy. Nếu thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì thay Ta hỏi thăm Ngài có ít bệnh, ít phiền não, cư ngụ đi đứng có nhẹ nhàng an vui lợi ích chăng?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn **Khai Hoa Vương Như Lai** lại bảo Diệu Cát Tường Đồng Tử rằng: “Này Đồng Tử! Đây là **Chân Ngôn Hạnh** (Manta-carya, Kết Đàn, Nghi Quỹ bí mật, Quán Đỉnh, Tâm Ấn, vẽ tượng, Gia Trì Hạnh, **Hộ Ma Hạnh** (Homa-caryā) của trăm ngàn hằng hà sa Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Giác...tất cả ước nguyện thấy đều viên mãn, tất cả chúng sinh yêu kính **Minh Châu Phẩm Nghi. Chân Ngôn Thọ Ký** (Vyākaraṇa-mantra) của Trí Vương Tự Tại trong ba đời quá khứ vị lai hiện tại; nếu có trì tụng thì quốc thổ an vui, hay giáng phục oán địch của phương khác. Nghi Quỹ Pháp Phẩm này; tất cả **Thế Gian** (Loka), **Xuất Thế Gian** (Lokottara), **Phật** (Buddha), **Bồ Tát** (Bodhi-satva), **Thanh Văn** (Śrāvaka), **Bích Chi Phật** (Pratiyeka-buddha) **Bồ Tát Địa** (Bodhisatva-bhūmi) khiến được thọ hành”

Nói xong, lại nói:”Ta cũng nguyện như vậy, vui tùy hỷ. Này Diệu Cát Tường Đồng Tử! Hết thấy việc ngày nay tùy theo nơi ông đã đi, ở trước mặt của Đức Phật Thích Ca, nghe Chính Pháp này với vì ông nói **Chân Ngôn** này:

“Năng mô tam mãn đá một đà nam, ma tiến đất-dã, bát-la để hạ đá xá, sa năng nam, án, la la, sa-ma la, a bát-la để hạ đá xá, sa năng, câu ma la, lỗ ba, đà lý noa, hồng hồng, phả tra, phả tra, sa-phộc hạ”

***)Namah samanta buddhānām _ Acintya apratihata śāsanānām _ Oṃ _ ra ra smara apratihata śāsana kumāra rūpa-dhāriṇa _ hūṃ hūṃ phat phat _ svāhā**

Đây là **Diệu Cát Tường Đồng Tử Căn Bản Chân Ngôn** (Mañjuśī- kumāra-bhūta- mūla-mantra) là Tâm của tất cả Như Lai mà tất cả Như Lai đã cùng tuyên nói. Ta cũng lại nói, nay ông sẽ nói. Ông đến Thế Giới **Ta Bà** (Saha-loka-dhātu) rộng vì giải nói, hay làm tất cả Phật sự.

Lại nói **Nội Tâm Chân Ngôn** (Parama-hṛdaya-mantra) mà Đức Thích Ca Như Lai đã nói

“Án, phộc cát-dã na, năng mạc”

***)Oṃ _ Vākyaeda namaḥ**

Lại nói **Ngoại Tâm Chân Ngôn** (Upa-hṛdaya-mantra)

“Phộc cát-dã, hồng”

***)Vākya hūṃ**

Khi ấy Đức Khai Hoa Vương Như Lai vì Diệu Cát Tường Đồng Tử nói Tam Ma Địa (Samādhi) tên là **Trang Nghiêm Nhất Thiết Bồ Tát Hạnh Lệnh Đắc Bồ Đề** (Sarva-vyūhālamkaro bodhisatva-caryā-niṣyanda bodhimaṇḍala-samanu-prāṇa)

Lúc đó Diệu Cát Tường Đồng Tử nhập vào Định này thời, bốn phương vô biên, trên dưới rộng lớn, tất cả chư Phật đầy khắp Thế Giới này, rồi lại khen rằng:”Lành thay! Lành thay Phật Tử! Ông hay nhập vào Tam Ma Địa tối thượng này! Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật còn chẳng thể vào cho đến Hành Giả được vào Thập Địa Bồ Tát cũng chẳng thể vào Tam Ma Địa này”

Bấy giờ Khai Hoa Vương Như Lai, Đức Phật Thế Tôn ấy đồng nói **Diệu Cát Tường Đồng Tử Nội Tâm Bí Mật Nhất Thiết Sự Thành Tựu Chân Ngôn** (Mañjuśrī-kumāra-bhūtasya parama-hṛdayaṃ parama-guhyam sarvārtha-sādhanaṃ mantra) tên là **Nhất Tựu Nội Bí Mật** (Ekākṣaram-paramaguhyam) khiến cho tất cả chúng sinh làm việc tối thượng, đối với Hạnh Chân Ngôn riêng biệt cũng được thành tựu việc tối thượng

Khi ấy Đức Thế Tôn Khai Hoa Vương Như Lai yên lặng trong phút chốc, dùng con mắt Phật (Buddha-cakṣu) quán sát tất cả Thế Gian, tất cả chư Phật. Các Đức Thế Tôn ấy dùng **Từ Ý** (Ý ban vui) triệu thỉnh, đồng nói Chân Ngôn:

“Năng mạc tam mṅga đā mōt đā nam. Hām”

Namaḥ samanta buddhānāṃ _ Mām

(Bản Phạn ghi nhận Chân Ngôn này là: **Namaḥ sarva-buddhānaṃ matraḥ**)

Đây là **Diệu Cát Tường Nội Tâm** (Mañjuśrī-parama-hṛdaya) hay làm tất cả việc

Lúc đó, Diệu Cát Tường Đồng Tử từ Tam Ma Địa ấy khởi dậy, như khoảng trống sĩ duỗi cánh tay, lại được Tam Ma Địa **Tốc Tật Trí** tên là **Tối Thượng Biến Hóa** (Viśeṣa-vikurvaṇa), dùng sức Thần Thông trong khoảng sát na đi qua Thế Giới **Sa Bà** (Saha-loka-dhātu) ở trong hư không trên cõi Trời Tịnh Quang, ngồi tại đất báu **Đại Ma Ni** (Mahā-maṇi), phóng ánh sáng lớn chiếu tất cả chư Thiên ở Trời Tịnh Quang, nhập vào Tam Ma Địa tên là **Minh Châu Trang Nghiêm Chiếu** (Jyoti-ratna-pratimaṇḍana)

Khi Diệu Cát Tường Đồng Tử nhập vào Định này thời hiện ra vô số lầu gác **Bảo trang nghiêm** (Ratna-pravibhakta-kūṭāgāra) vô số **lọng báu** (Ratna-cchatra) dài rộng trăm ngàn **Do Tuần** (Joyana), **áo Trời** (Divya-dṛśya), **Đại Y** (Mahā-paṭṭa), các **Anh Lạc báu** (Kalāpa) thanh tịnh trang nghiêm. **Hoa cõi Trời** (Divya-puṣpa), **phượng** (Dhvaja), **Phan** (Patāka), **lưới báu** (Mālākula), **chuông mõ** (Kiṅkiṇī) phát ra âm thanh vi diệu. Lại tuôn mưa hương và bột hương của cõi Trời với **Bất Thoái Vị Bồ Tát** (Vaivarttikatva-bodhisatva) cúng dường Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni của Ta

Bấy giờ, Tịnh Quang Thiên Tử ấy nhìn thấy Thần Thông biến hóa của vị Bồ Tát kia thì nghi sợ chưa từng có, lông trên thân dựng đứng lên, chân động cung Trời, mê mờ kinh sợ. Nay vì sao Thần Thông của Ta đều mất hết! Suy nghĩ tương này rồi cao giọng xóng lên rằng: “Nguyện xin Đức Phật Thích Ca Mâu Ni của con hãy rủ thương cứu giúp”

Khi ấy, Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni bảo các Thiên Tử của Trời Tịnh Quang rằng: “Đừng sinh kinh sợ! Vị Thánh ấy là Diệu Cát Tường Đồng Tử Bồ Tát Ma Ha Tát từ cõi Phật Khai Hoa Vương Như Lai đi đến chỗ của Ta, cung kính lễ bái, tùy vui với **Đại Sự Chân Ngôn Phương Quảng Vị Tăng Hữu Thập Thâm Pháp Cú** (Mahatārtha-caryā-mantrapada-vaipukyādbhuta-dharmapadam)

Lúc đó, Diêu Cát Tường Đồng Tử nhiều quanh Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni ba vòng, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật, vui vẻ chiêm ngưỡng, dùng âm vi diệu nói lời khen ngợi là:

“_ Quy mệnh **Điều Ngự Đại Trượng Phu** (Muktāyājanya)
Quy mệnh **Vô Thượng Đại Trượng Phu** (Puruṣottama)
Quy mệnh **Tối Thượng Đại Trượng Phu** (Puruṣa-śreṣṭha)
Hay làm tất cả việc thành tựu
_ Quy mệnh **Sư Tử Đại Trượng Phu** (Puruṣa-siṃha)
Hay phá tất cả các việc ác
_ Quy mệnh **Vô Úy Đại Trượng Phu** (Mahā-vīra)
Hay phá tất cả các nẻo ác
_ Quy mệnh **Bạch Liên Đại Trượng Phu** (Puruṣa-puṇḍarika)
Hương thơm Phước Trí (Puṇya-gandha) không bờ mé
_ Quy mệnh **Liên Hoa Đại Trượng Phu** (Puruṣa-padma)
Thanh tịnh vượt qua bùn ba cõi
_ Quy mệnh **Giải Thoát Đại Trượng Phu** (Mukta)
Hay lia tất cả các khổ não
_ Quy mệnh **Tịch Tĩnh Đại Trượng Phu** (Śānta)
Hay khéo điều phục tất cả ác
_ Quy mệnh **Thành Tựu Đại Trượng Phu** (Siddha)
Khéo biết tất cả Chân Ngôn Ngữ
_ Quy mệnh **Cát Tường Đại Trượng Phu** (Maṅgalya)
Mọi điều chẳng lành, hay tốt lành
_ Quy mệnh **Phật Đà Đại Trượng Phu** (Buddha)
Khéo biết tất cả các **Pháp Tạng**
_ Quy mệnh **Như Lai Nhất Thiết Pháp** (Tathāgatāya-sarva-dharma)
Khéo vào chân thật, không hý luận
_ Quy mệnh **Như Lai Nhất Thiết Trí** (Sarva-jñā)
Nhất Thiết Trí Trí (Sarva-jñāna) lia Pháp huyển
Hết thầy **ba Thừa** (Tri-yāna), Đạo **Vô Lậu**
Khiến vào **Niết Bàn** (Nirvāṇa) mà an trụ”

Bấy giờ Diêu Cát Tường Đồng Tử khen ngợi, quy mệnh xong, lại nói rằng: “Thế Tôn! Con đi qua trăm ngàn hằng hà sa Thế Giới thuộc phương Đông Bắc, ở chỗ kia có **cõi Phật** (Buddha-kṣetra) tên là **Khai Hoa** (Saṃkusmita), nơi ấy có Đức Thế Tôn tên là **Khai Hoa Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn** (Saṃkusmita-tathāgata arhate samyaksambuddha vidyācaraṇa-saṃpaṇa sugata loka-vid anuttara puruṣa-damyā-sārathi śāstā-deva-manuṣyānāṃ buddha bhagavat) nói Pháp: chặng đầu tốt lành, chặng giữa tốt lành, chặng sau tốt lành. Nghĩa ấy sâu xa, lời ấy xảo diệu, thuần nhất không có tạp, tròn đầy tướng Phạm Hạnh trong sạch. Đức Phật ấy như vậy an trụ tướng nói Pháp, cho đến lại nói nghĩa của **Chân Ngôn Hạnh** (Mantra-caryā), tu **Bồ Tát Tạng**, phương tiện cứu độ, khiến thực hành con đường của Ba Thừa, đắc được sự an vui sâu xa... vì tất cả chúng sinh ấy, tuyên nói như vậy.

Nay khi con đi thời Đức Khai Hoa Như Lai sai con đến tôn kính dưới chân, thăm hỏi Ngài có ít bệnh, ít phiền não, cư ngụ đi đứng có nhẹ nhàng an vui lợi ích chăng? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rất là hiếm có, ở thời **Mạt Thế** (Pāścima-kāla) hiện bày nói Pháp, nơi Đạo của Ba Thừa lợi lạc cho Người, Trời thấy đều bình đẳng, thực hành đại tinh tiến chặt đứt khổ của ba cõi, khiến cho các hữu tình ấy đối với **con đường Niết**

Bàn (Nirvāṇa-mārga) được an vui lớn. Đức Phật Thế Tôn của con như vậy biết Tâm của Đức Phật này”.

Đồng Tử lại nói rằng: “Làm thế nào có thể được sự chưa từng có chẳng thể nghĩ bàn? Đức Phật Thế Tôn tự tại biến hóa **Tâm, Trí, Ý, Hạnh** vào sâu trong tướng của Pháp, trăm ngàn na do tha câu chi Kiếp nói tất cả Chính Pháp ấy khéo phá tất cả sắc tướng, rất ráo chân thật, thông đạt **Vô Tướng** (Animitta: không có hình tướng). Hạnh Đức như vậy thời Đức Thế Tôn có thể biết, chứ con chẳng thể biết”

Lúc đó Diệu Cát Tường Đồng Tử dùng Thần Lực của mình hóa làm tòa hoa sen báu to lớn, chiêm ngưỡng Đức Thích Ca Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni nghe Diệu Cát Tường Đồng Tử Bồ Tát Ma Ha Tát dùng mọi loại ngôn thuyết nói về việc quá khứ của Đức Khai Hoa Vương Như Lai với ước nguyện diễn nói Pháp của Bồ Tát Hạnh, Nghi Quỹ sâu xa màu nhiệm... nên (Đức Phật) dùng tiếng **Phạm Âm** (Brahma-ghoṣa) **Ca Lăng Tần Già** (Kalaviṅka) tương ứng với **quần cơ** (vạn vật, hay mọi căn cơ) bảo Diệu Cát Tường Đồng Tử rằng: “Lành thay Diệu Cát Tường! Pháp Hành của bậc Thượng Nhân kia được tất cả Phật nói, vì tất cả Bồ Tát khiến cho được tất cả **Chân Ngôn Cú** (Mantrapada), **Quán Đỉnh bí mật** (Guhya-ābhiṣeka), **Ấn** (Mudra), **Đàn** (Maṇḍala), **Nghi Quỹ** (Kalpa), sống lâu, ít bệnh, tùy ý tự tại, tất cả viên mãn đều được thành tựu **Nghi Quỹ** (Sādhana) của **Nhất Thiết Trí Trí** (Sarvajña-jñāna). Quá khứ, vị lai, hiện tại lược nói khiến cho chúng sinh viên mãn ước nguyện.

Nếu đủ Giới Đức truyền Chân Ngôn Hạnh khiến cho kẻ khác yêu kính. Hoặc cầu Trí Tuệ, hoặc muốn ẩn thân, hoặc đi trên hư không mà chân chẳng chạm đất, hoặc lại vào trong lòng đất, hoặc giáng phục tất cả chỗ ham muốn đều được. Hoặc **Dạ Xoa** (Yakṣa) với **Dạ Xoa Nữ** (Yakṣiṇī), **Dạ Xoa** quyền thuộc, **Tỳ Xá Ni** (Piśāca), **Tỳ Xá Chi** (Piśācī), tất cả **bộ Đa** (Bhūta) thấy đều giáng phục. Hoặc kẻ ít tuổi, người nhiều tuổi, người già đều được sống lâu...Nói lược là tất cả Ý Nguyện viên mãn. Việc **Giáng Phục** (Abhicāruka), **Tăng Ích** (Puṣṭika), **Tức Tai** (Śāntika) như có chỗ làm đều được thành tựu.

Bồ Tát Tạng Đại Bảo Nghi Quỹ Pháp Phẩm (Bodhisatva-piṭakāvatamsakaṃ mahā-kalpa-ratna-pāṭala) này được tất cả Phật nói. Ta khiến ông biết **Chân Ngôn Hạnh Nghi Quỹ Pháp Tạng** này hay thanh tịnh người, hay lợi cho nhiều người...tất cả chúng sinh trên Trời, ở nhân gian đều được an vui”

__Khi ấy Diệu Cát Tường Đồng Tử nhập vào **Bồ Tát Tam Ma Địa** (Bodhisatva-samādhī) tên là **Nhất Thiết Phật Uy Đức Minh Châu Trang Nghiêm Chiếu** (Sarva buddhādhiṣṭhāna-jyoti-raśmi-vyūhālaṅkāra-saṅcodanīm). Khi vào Định này thời phóng ánh sáng lớn chiếu hằng hà sa đấng thế giới **cõi Phật** (Buddha-kṣetra) với vô số **Thanh Tịnh Bồ Tát** (Suddha-satva), bên trên đến cõi Trời **Sắc Cứu Kính** (Akaṅkṣṭha), bên dưới đến Địa Ngục **A Tỳ** (Avīci), hết thấy tất cả chúng sinh có tội khổ liền trừ được tai hoạn.

Chiếu tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật xong, lại nhập vào trong đỉnh đầu của Diệu Cát Tường Bồ Tát. Lại chiếu chư Phật Như Lai tại hết thấy cõi Phật trong thế giới ở phương Đông, vì Pháp tập hội. Các vị ấy tên là: **Thiện Càn Thát Bà Diệu Cát Tường Như Lai** (Jyotis-saumya-gandhāvabhāsa-śrī-tathāgata), **Được Su Quang Vương Như Lai** (Bhaiṣajya-guru-vaidūrya-prabha-rāja-tathāgata), **Phổ Chiếu Cát Tường Như Lai** (Samantāvabhāsa-śrī-tathāgata), **Xuất Sinh Vương Như Lai** (Samudgata-rāja-tathāgata), **Đa La Vương Như Lai** (Śālendra-rāja-tathāgata), **Nhân Vương Như Lai** (Lokendra-rāja-tathāgata), **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata), **Chính Đẳng Trí Vương Như Lai** (Jñāna-viniścaya-rāja-tathāgata), **Vô**

Biên Chiếu Vương Như Lai (Anantāvabhāsa-rājendra-tathāgata), **Tối Thượng Quang Minh Vương Như Lai** (Jyoti-raśmi-rājendra-tathāgata)... Nhóm Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác như vậy đều có Bồ Tát vây quanh thầy đều tập hội trên trời Tịnh Quang

Bây giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác muốn vì Diệu Cát Tường Đồng Tử nói **Bồ Tát Hạnh Chân Ngôn Cú Nghĩa Nghi Quỹ Phẩm** (Bodhisatvacaryā-nirdeśa-mantrapadārtha-ṭāḷa)

Thời lại có tất cả chư Phật ở tất cả cõi Phật trong phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn góc, phương trên, phương dưới... nhận ánh sáng ấy chiếu khắp, cũng đến tập hội. Mỗi một Đức Phật ấy đều có Bồ Tát, Thanh Văn theo hầu vây quanh, đều muốn tùy theo Phật nghe nhận **Như Lai Vô Năng Thắng Giáo Chân Ngôn Nghi Quỹ Tối Thượng Tam Ma Địa**. Các vị ấy là: Bồ Tát **Diệu Tý** (Subāhu), Bồ Tát **Diệu Thật** (Suratna), Bồ Tát **Diệu Giới** (Suvrata), Bồ Tát **Diệu Nhân** (Sunetra), Bồ Tát **Diệu Lạc** (Sūrata), Bồ Tát **Diệu Pháp** (Sudharma), Bồ Tát **Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu** (Sarvārtha-siddhi), Bồ Tát **Nhất Thiết Xuất Sinh** (Sarvodgata), Bồ Tát **Pháp Xuất Sinh** (Dharmodgata), Bồ Tát **Bảo Sinh** (Ratnodgata), Bồ Tát **Bảo Cát Tường** (Ratnaśrī), Bồ Tát **Diệu Cát Tường** (Meruśrī), Bồ Tát **Bất Tư Nghị Cát Tường** (Acintyaśrī), Bồ Tát **Quang Minh Cát Tường** (Prabhākaraśrī), Bồ Tát **Quang Cát Tường** (Prabhaśrī), Bồ Tát **Trí Cát Tường** (Jyotiśrī), Bồ Tát **Nhất Thiết Nghĩa Cát Tường** (Sarvārthaśrī), Bồ Tát **Nhất Thiết Bảo Thủ** (Sarva-ratna-pāṇi), Bồ Tát **Bảo Kế** (Cūḍā-maṇi), Bồ Tát **Bảo Thủ** (Ratna-pāṇi), Bồ Tát **Diệu Tràng Thủ** (Meru-dhvaja-pāṇi), Bồ Tát **Biển Chiếu Tạng** (Vairocana-garbha), Bồ Tát **Bảo Tạng** (Ratnagarbha), Bồ Tát **Trí Tạng** (Jñāna-garbha), Bồ Tát **Diệu Tư Nghị Tạng** (Acintyārthagarbha), Bồ Tát **Xuất Pháp Tạng** (Dharmodgata-garbha), Bồ Tát **Tràng Phan** (Dhvaja-ketu), Bồ Tát **Diệu Tràng** (Suketu), Bồ Tát **Vô Biên Tràng** (Ananta-ketu), Bồ Tát **Quang Minh Tràng** (Prabhākara-ketu), Bồ Tát **Vô Cấu Tràng** (Vimala-ketu), Bồ Tát **Vô Dư Tràng** (Niravaśeṣa-ketu), Bồ Tát **Hư Không Tràng** (Gagana-ketu), Bồ Tát **Bảo Tràng** (Ratna-ketu), Bồ Tát **Hồng Thanh** (Garjita-ghoṣa), Bồ Tát **Cổ Âm Vương** (Dundubhi-svara-rāja), Bồ Tát **Vô Biên Chiếu Trí Vương** (Anantāvabhāsa-jñāna-rāja), Bồ Tát **Phá Nhất Thiết Hắc Âm Vương** (Sarva-tamo 'ndhakāra-vidhamana-rāja), Bồ Tát **Phá Nhất Thiết Quang Vương** (Sarva-vikiraṇa-bodhi-vidhvaṃsan-arāja), Bồ Tát **Nhất Thiết Hành Thâm Trí Vương** (Sarva-caryā-tisaya-jñāna-rāja), Bồ Tát **Nhân Vương** (Lokendra-rāja), Bồ Tát **Thâm Ý Vương** (Atisayendra-rāja), Bồ Tát **Tiêu Trừ Vương** (Vidhamana-rāja), Bồ Tát **Vô Kế Vương** (Nirdhūta-rāja), Bồ Tát **Nhật Vương** (Āditya-rāja), Bồ Tát **Vô Tính Xuất Sinh Vương** (Abhāva-samudgata-rāja), Bồ Tát **Tự Tính Xuất Sinh Vương** (Svabhāva-samudgata-rāja), Bồ Tát **Vô Tính Tự Tính Xuất Sinh Vương** (Abhāva-svabhāva-samudgata-rāja), Bồ Tát **Bất Thoái Địa Vương** (Avivakṣita-rāja), Bồ Tát **Tự Tại Quang** (Īśvarābha), Bồ Tát **Phước Đức Quang** (Svabhāva-puṇyābha), Bồ Tát **Thế Gian Quang** (Lokābha), Bồ Tát **Cam Lộ Quang** (Amṛtābha), Bồ Tát **Vô Biên Quang** (Anantābha), Bồ Tát **Thiên Vương Quang** (?Sunetrābha: Diệu Mục Quang), Bồ Tát **Tự Tính Quang** (?Susambhavābha: Diệu Sinh Quang), Bồ Tát **Vô Tính Quang** (Arthabhāvābha: Nghĩa Lợi Hữu Quang), Bồ Tát **Ẩn Thân** (?Adhr̥ṣya: Bất Năng Hoại), Bồ Tát **Vô Xúc** (Amṛṣya), Bồ Tát **Vô Tác** (Akarṣa ? Akaraṇa), Bồ Tát **Bất Cứu Cảnh** (Akaniṣṭha), Bồ Tát **Vô Cấu** (Amala), Bồ Tát **Vô Hỏa** (Anala), Bồ Tát **Tu Đề** (Dyuti), Bồ Tát **Mạt Để** (Mati), Bồ Tát **Nga Đế** (?Pati), Bồ Tát **An Lạc** (Sukha), Bồ Tát **Mục Khư** (Mukha), Bồ Tát **Lý Di Nễ Di** (?Nemi nimi), Bồ Tát **Kế Đô** (Ketu), Bồ Tát **Hoan**

Hỷ (?Rkṣa), Bồ Tát **Nhân Quang** (?Hetu-prabha), Bồ Tát **Nễ Phộc** (Deva), Bồ Tát **Thiên Trung Thiên** (Divideva divya), Bồ Tát **Năng Tỳ** (Nābhi), Bồ Tát **Đại Xa** (Ravaṇa), Bồ Tát **Thế Gian** (Loka), Bồ Tát **Tức Tai** (Śānti), Bồ Tát **Thâm Hỷ** (Upariṣṭa), Bồ Tát **Cổ Âm** (Dundubhi), Bồ Tát **Thành Tựu** (Siddha), Bồ Tát **Bạch Quang** (Śiva), Bồ Tát **Tối Thượng** (?Ākṣhya), Bồ Tát **Tịnh Thiên** (?Divya), Bồ Tát **Năng Nhân** (Duprasaha), Bồ Tát **Năng Giáng** (Durgharṣa), Bồ Tát **Nan Đắc** (Durālabha), Bồ Tát **Viễn Hành** (Dūraṅgama), Bồ Tát **Viễn Ly** (Durālabha), Bồ Tát **Viễn Trụ** (Dūrasthita), Bồ Tát **Cao** (), Bồ Tát **Cực Cao** (Ūrdhavadravayatama), Bồ Tát **Hư Không Minh** (Khadyota), Bồ Tát **Phổ Chiếu** (Samahadyota), Bồ Tát **Tự Minh** (Adyota), Bồ Tát **Tiên Nhân** (Rṣabha), Bồ Tát **Quang Tịnh** (Ābha), Bồ Tát **Bất Lạc** (?Sumanāya), Bồ Tát **Diệu Ý** (Sumana), Bồ Tát **Đại Thiên** (Mahā-deva), Bồ Tát **Thanh Tịnh** (Sunirmala), Bồ Tát **Ly Cấu** (Malānta), Bồ Tát **Điều Phục** (Danta), Bồ Tát **Tự Tức** (Sami), Bồ Tát **Diệu Tướng** (Suciḥna), Bồ Tát **Bạch Tràng** (Śvetadhvaṇa), Bồ Tát **Y Di** (Imi), Bồ Tát **Kế Di** (Kimi), Bồ Tát **Đồng Tử** (kaṇiṣṭha), Bồ Tát **Vô Lương** (Nikarṣa), Bồ Tát **Diên Thọ** (Jīva), Bồ Tát **Diệu Sinh** (Sujāta), Bồ Tát **Ám Tràng** (Dhūma-ketu), Bồ Tát **Phan Tràng** (Dhvaṇa-ketu), Bồ Tát **Bạch Tràng** (Śvetaketu), Bồ Tát **Diệu Tràng** (Suketu), Bồ Tát **Thiên Tràng** (Vasu-ketu), Bồ Tát **An Trụ** (Vasava), Bồ Tát **Đại Tổ** (Pitāmaha), Bồ Tát **Phụ Sư** (), Bồ Tát **Thiện Liễu** (), Bồ Tát **Bảo Bình** (?pitaraniṣkakuru), Bồ Tát **Thế Hiện** (Lokākṣhya), Bồ Tát **Phổ Hiện** (Samantākṣhya), Bồ Tát **Đại Hiện** (Mahākṣhya), Bồ Tát **Tăng Ích** (Śreyasi), Bồ Tát **Thâm Quang** (Tejasi), Bồ Tát **Khẩn Ca La** (Kiraṇa), Bồ Tát **Bình Đẳng Tâm** (Samantakara), Bồ Tát **Thế Gian Lợi** (Lokaṅkara), Bồ Tát **Nhật Quang** (Divāṅkara), Bồ Tát **Nhiên Đẳng** (Dīpaṅkara), Bồ Tát **Đa Văn** (Bhūtāntakara), Bồ Tát **Nhất Thiết Nghĩa Thành** (Sarvārthaṅkara), Bồ Tát **Đắc Thành Tựu** (Siddhaṅkara), Bồ Tát **Khai Quang** (Dyotīṅkara), Bồ Tát **Chiếu Diệu** (Avabhāsaṅkara), Bồ Tát **Cổ Âm Thanh** (Dundubhi-svara), Bồ Tát **Diệu Âm** (Ruta-svara), Bồ Tát **Diệu Thanh** (Susvara), Bồ Tát **Vô Biên Âm** (Ananta-svara), Bồ Tát **Tràng Âm** (Ketu-svara), Bồ Tát **Thật Tiên Nhân** (Bhūtamuni). Nhóm Bồ Tát Ma Ha Tát như vậy đi đến tập hội.

__Lại có bảy Đức Phật Như Lai là **Kim Tiên Nhân Như Lai** (Kanakamuṇi-tathāgata), **Yết Câu Thôn Như Lai** (Krakucchanda-tathāgata), **Ấm Quang Như Lai** (Kāśyapa-tathāgata), **Hỏa Đỉnh Như Lai** (Śikhi-tathāgata), **Tác Biến Hóa Như Lai** (Viśvabhuk-tathāgata), **Thắng Quán Như Lai** (Vipaśvi-tathāgata), **Năng Nhân Như Lai** (Śākyamuṇi-tathāgata). Chư Phật như vậy nương theo ánh sáng chiếu khắp đi đến cõi Trời Tịnh Quang, ngồi trên hoa sen báu.

__Cũng có Bồ Tát Ma Ha Tát đầy đủ sắc tướng chân thật, đều đến Hội ngồi. Ấy là: Bồ Tát **Bảo Thủ** (Ratna-pāṇi) Bồ Tát **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi), Bồ Tát **Diệu Thủ** (Supāṇi), Bồ Tát **Hư Không Thủ** (Gagana-pāṇi), Bồ Tát **Vô Biên Thủ** (Anantapāṇi), Bồ Tát **Địa Thủ** (Kṣiti-pāṇi), Bồ Tát **Thế Gian Thủ** (Āloka-pāṇi), Bồ Tát **Thâm Thanh Tịnh** (Sunirmala), Bồ Tát **Diệu Tích** (Sukūpa), Bồ Tát **Đa Tích** (Prabhūta-kūṭa), Bồ Tát **Ma Ni Bảo Tích** (Maṇikūṭa ratnakūṭa) Bồ Tát **Bảo Tượng** (Ratna-hasti) Bồ Tát **Phổ Tượng** (Samanta-hasti), Bồ Tát **Hương Tượng** (Gandha-hasti), Bồ Tát **Diệu Hành** (Sugati), Bồ Tát **Thanh Tịnh Hạnh** (Vimalagati), Bồ Tát **Thế Gian Hành** (Loka-gati), Bồ Tát **Tốc Hành** (Cāru-gati), Bồ Tát **Vô Biên Hành** (Ananta-gati), Bồ Tát **Vô Biên Xưng** (Ananta-kīrti), Bồ Tát **Diệu Xưng** (Sukīrti), Bồ Tát **Vô Cấu Xưng** (Vimala-kīrti), Bồ Tát **Hành Xưng** (Gati-kīrti), Bồ Tát **Ly Cấu Xưng** (Amala-kīrti), Bồ Tát **Xưng** (Kīrti), Bồ Tát **Xưng Tôn** (Kīrti-nātha), Bồ Tát **Vô**

Tôn Vi Tôn (Anātha-nāthabhūta), **Bồ Tát Thế Tôn** (Loka-nātha), **Bồ Tát Phổ Tôn** (Samanta-nātha), **Bồ Tát Từ** (Ātreya), **Bồ Tát Vô Biên Từ** (Anantatreya), **Bồ Tát Bình Đẳng Từ** (Samantatreya), **Bồ Tát Từ Thị** (Maitreya), **Bồ Tát Diệu Nhân Từ** (Sunetreya), **Bồ Tát Vô Lượng Từ** (Namantātreya), **Bồ Tát Tam Thế Từ** (Tvaddhātreya), **Bồ Tát Chân Thật** (Sarūlātreya), **Bồ Tát Tam Bảo Từ** (Trirantātreya), **Bồ Tát Tam Quy Từ** (Trisāraṇātreya), **Bồ Tát Tam Thừa Từ** (Triyānātreya), **Bồ Tát Biến Hóa** (Viṣphūra), **Bồ Tát Diệu Ý Thủ** (Sumanodbhavarṇava), **Bồ Tát Diệu Pháp Tự Tại** (Dharmīśvara), **Bồ Tát Vô Tính Tự Tại** (Abhāveśvara), **Bồ Tát Phổ Biến Tự Tại** (Sammateśvara), **Bồ Tát Thế Gian Tự Tại** (Lokeśvara), **Bồ Tát Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara), **Bồ Tát Diệu Quán Tự Tại** (Sulokiteśvara), **Bồ Tát Thắng Quán Tự Tại** (Vilokiteśvara), **Bồ Tát Thế Gian** (Loka), **Bồ Tát Tôn Diệu Tôn** (Maha-sumaha), **Bồ Tát Cổ Âm Hống** (Garjiteśvara dundubhisvara), **Bồ Tát Thanh Tịnh Tự Tại** (Vitateśvara), **Bồ Tát Tâm Tự Tại** (Vidhvasteśvara), **Bồ Tát Thánh Chúng** (Suvakṣa), **Bồ Tát Diệu Tượng** (Sumūrti), **Bồ Tát Thắng Tôn** (Sumahad), **Bồ Tát Danh Xưng** (Yaśovata), **Bồ Tát Nhật Quang** (Āditya-prabhāva), **Bồ Tát Quang Thiên** (Prabha-viṣṇu), **Bồ Tát Thiện Tự Tại** (Someśvara), **Bồ Tát Thiện** (Soma), **Bồ Tát Thâm Thiện** (Saumya), **Bồ Tát Vô Biên Cát Tường** (Ananta-śrī), **Bồ Tát Phổ Biến Cát Tường** (Samanta-śrī), **Bồ Tát Thế Cát Tường** (Loka-śrī), **Bồ Tát Hư Không** (Gagana-gaganāḍhya), **Bồ Tát Hư Không Tự Tại Tạng** (Gaganeśvara-gaṅja), **Bồ Tát Địa Tự Tại** (Kṣiteśvara), **Bồ Tát Đại Tự Tại** (Maheśvara), **Bồ Tát Đại Địa** (Kṣiti), **Bồ Tát Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Bồ Tát Trừ Nhất Thiết Cái Chướng** (Sarva-nīvaraṇa-viṣkambhi), **Bồ Tát Phổ Điều Phục** (Samanta-nirmathana), **Bồ Tát Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Bồ Tát Hiền Hộ** (Bhadrapāṇi: Hiền Thủ), **Bồ Tát Diệu Tài** (Sudhana), **Bồ Tát Diệu Túc** (Susamhata), **Bồ Tát Diệu Hoa** (Rasupūṣya), **Bồ Tát Diệu Hư Không** (Sunabha-ākāśa), **Bồ Tát Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha), **Bồ Tát Nhất Thiết Nghĩa Tạng** (Savārtha-garbha), **Bồ Tát Nhất Thiết Xuất** (Sarvodbhava), **Bồ Tát Bất Trụ** (Anivartī), **Bồ Tát Bất Tú Trụ Địa Diệt Tội** (Anivartita-apāyajaha), **Bồ Tát Bất Thoái** (Avivartita), **Bồ Tát Bất Thoái Chuyển** (Avaivarttika), **Bồ Tát Nhất Thiết Pháp Bất Kế** (Sarvadharmopa)... Nhóm Bồ Tát Ma Ha Tát như vậy đồng đến chỗ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên Trời Tịnh Quang

Lại có Bồ Tát Ma Ha Tát thực hành vô lượng nghĩa, biến thân làm hình người nữ (Strī) dùng Pháp Thế Gian dẫn lối cho tất cả chúng sinh, khiến cho Tâm bền chắc, chẳng lười Ý Đạo, được Minh Cú Đà La Ni (vidyāpada-mantra-dhāraṇī) chẳng thể nghĩ bàn. Hoặc biến thành mọi loại hình Phi Cầm (Pakṣi), hình Dạ Xoa (Yakṣa), hình La Sát (Rākṣasa), hình bấu Ma Ni (Maṇi), hình người (Maṇuṣa), hình Phi Nhân (Amaṇuṣa)... Sắc tướng thù dị đã làm như thế, tùy theo ý giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến vào Bồ Tát Hạnh, ở Pháp Minh Vương (Vidya-rāja), tùy thuận hiểu thấu. Như Pháp Bộ của Như Lai (Tathāgata), Liên Hoa (Padma), Kim Cương (Vajra) được vào Tam Muội (Samādhi) thì tất cả Thế Gian (Laukika) Xuất Thế Gian (Lokottara) chẳng thể vi phạm sự chân thật đã nói, an trụ Tam Bảo, Uy Đức chẳng bị đứt đoạn. Có Đại Minh Vương luôn luôn thủ hộ. Ấy là: Xuất Sinh Minh Vương (Atyadbhuta-vidya-rāja), Cực Cao Minh Vương (Atyunnata), Bạch Tản Cái Minh Vương (Sitātapatra), Vô Biên Cái Minh Vương (Anantapatra), Phổ Cái Minh Vương (Śatapatra), Tối Thắng Minh Vương (Jayoṣṇīṣa), Thế Gian Cao Minh Vương (Lokottara), Tôn Thắng Minh Vương (Vijayoṣṇīṣa), [Cực Quảng Đại Minh Vương (Abhyudgatoṣṇīṣa)], Liên Hoa Quang Minh Minh Vương (Kamala-raśmi), Kim

Quang Minh Minh Vương (Kanaka-raśmi), **Bạch Quang Minh** Minh Vương (Sita-raśmi), **Trang Nghiêm Tôn Thắng** Minh Vương (Vyūḍhoṣṇīṣa), **Kim Tích** Minh Vương (Kanaka-rāśi), **Bạch Tích** Minh Vương (Sita-rāśi), **Quang Tích** Minh Vương (Tejo-rāśi), **Bảo Tích** Minh Vương (Maṇi-rāśi), **Phổ Tích** Minh Vương (Samanta-rāśi), **Xứng Xứng** Minh Vương (Vikhyāta-rāśi), **Bảo Tích** Minh Vương (Bhūta-rāśi), **Chân Xứng** Minh Vương (Satya-rāśi), **Vô Tính Tự Tính Tích** Minh Vương (Abhāva-svabhāva-rāśi), **Bát Hư Cuồng Xứng** Minh Vương (Avitatha-rāśi)...Nhóm Tôn Thắng Minh Vương như vậy nhập vào vô biên Pháp Giới như Ta viên mãn Nguyên của chúng sinh, khiến được đầy đủ Tâm của tất cả Phật

Lại, nhóm Tôn Thắng Minh Vương này đầy đủ Pháp Lực rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn, không có gì sánh bằng, như hư không không có bờ mé, trải qua trăm ngàn na dữu đa câu chi Kiếp, nói chẳng thể hết. Nay vì các ông lược nói mà thôi

Lại nơi đây, lại có **Minh Vương** (Vidya-rāja): **My** Minh Vương (Bhrū), **Nhân** Minh Vương (Locanā), **Tiếp** Minh Vương (Padmā), **Nhĩ** Minh Vương (Śravaṇa), **Yết** Minh Vương (Grīvā), **Vô Ủy** Minh Vương (Abhayā), **Bi** Minh Vương (Kāruṇā), **Từ** Minh Vương (Maitrī), **Mẫn** Minh Vương (Kṛpā), **Trí Tuệ** Minh Vương (Prajñā), **Quang Minh** Minh Vương (Raśmi), **Ý** Minh Vương (Cetanā), **Quang Minh** Vương (Prabhā), **Vô Cấu** Minh Vương (Nirmalā), **Y** Minh Vương (Dhīvarā)

Nhóm Minh Vương như vậy biến hóa vô lượng vô biên sắc tướng của Như Lai, ấy là: **Như Lai Bát** (Tathāgata-patra), **Như Lai Pháp Luân** (Tathāgata-dharma-cakra), **Như Lai Ngọa Cự** (Tathāgata-śayana), **Như Lai Thừa** (Tathāgata-yāna), **Như Lai Chiếu Diệu** (Tathāgatāvabhāsa), **Như Lai Ngôn** (Tathāgata-vacana), **Như Lai Thần** (Tathāgatoṣṭha), **Như Lai Bể** (Tathāga-toru), **Như Lai Cầu** (Tathāgatāmala), **Như Lai Tràng** (Tathāgata-dhvaja), **Như Lai Phan** (Tathāgata-ketu), **Như Lai Tiêu Xí** (Tathāgata-cinha). Nhóm sắc tướng của Như Lai như vậy là điều mà Chân Ngôn đã nói

Lại có **Phấn Nộ Minh Vương** (Krodha-vidya-rāja) với Minh Vương của các nhóm **Khẩn Ca La** (Kiṅkara), **Khẩn Ca Lý** (Kiṅkarī), **Tức Tra** (Ceṭa), **Tức Trí** (Ceṭī), **Nỗ Đa** (Dūta), **Nỗ Để** (Dūtī), **Dược Xoa** (Yakṣa), **Dược Xoa Ni** (Yakṣaṇī), **Người** (Satva), **Phi Nhân** (Asatva)... được nhập vào **Tối Thượng Pháp Vân Trang Nghiêm Tam Ma Địa** (Prativiśiṣṭa-vyūhāṅkāra-dharma-meghāṇiḥṣṭaiḥ samādhi)

Lại có vô lượng vô biên trăm ngàn câu chi quyển thuộc vây quanh, cúng dường, cung kính tất cả Minh Vương. Nhóm chúng như vậy thấy đều tập hội trong cõi Trời Tịnh Quang

Lại có chúng Đại Minh Vương của **Liên Hoa Tộc** (Padma-kulāya), ấy là: **Thập Nhị Tý** Minh Vương (Dvādaśa-bhujā), **Lục Tý** Minh Vương (Ṣaḍ-bhujā), **Tứ Tý** Minh Vương (Catur-bhujā), **Hạ La Hạ La** Minh Vương (Hālāhala), **Bất Không Sách** Minh Vương (Amogha-pāśa), **Mã Thủ** Minh Vương (Śvetahayagrīva), **Vô Biên Cảnh** Minh Vương (Anantagrīva), **Diệu Cảnh** Minh Vương (Sugrīva), **Thanh Cảnh** Minh Vương (Nīlagrīva), **Diệu Hạng** Minh Vương (Sukarṇa), **Bạch Hạng** Minh Vương (Śvetakarṇa), **Thanh Hạng** Minh Vương (Nīla-kaṇṭha), **Thế Hạng** Minh Vương (Loka-kaṇṭha), **Quang Minh** Minh Vương (Raśmi), **Quán Chiếu** Minh Vương (Vilokita), **Quán Tự Tại** Minh Vương (Avalokiteśvara), **Thiên Quang** Minh Vương (Sahasra-raśmi), **Ý** Minh Vương (Mana), **Thâm Ý** Minh Vương (Manasa), **Xứng Ý** Minh Vương (Vikhyāta-manasa), **Liên Hoa Thủ** Minh Vương (Kamala-pāṇi), **Ý Nguyên** Minh Vương (Manoratha), **Cứu Độ** Minh Vương (Āśvāsaka), **Hoan Hỷ** Minh Vương

(Prahasita), **Diệu Phát** Minh Vương (Sukeśa), **Xích Phát** Minh Vương (Keśānta), **Tinh Minh** Vương (Nakṣatra), **Tinh Vương** Minh Vương (Nakṣatrarāja), **Thâm Thiện** Minh Vương (Saumya), **Thiện Thần Điều Phục** Minh Vương (Sugata-damaka). Nhóm Tôn Thắng Minh Vương của Liên Hoa Tộc như vậy được **Vô Lượng Vô Biên Pháp Vân Tam Ma Địa** (Ananta-nirhāra-dharmamegha-niṣyanda-samādhī) cũng đi đến dự hội

Lại có vô số **Nữ Thân Minh Vương** (Vidyārājñī: Minh Phi) được **Tam Ma Địa** (Samādhī), sắc tướng đoan nghiêm như **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara), ấy là **Đa La Minh Vương** (Tārā), **Tô Đa La Minh Vương** (Sutārā), **Năng Trí** Minh Vương (Naṭī), **Bộ Lý Câu Chi** Minh Vương (Bhṛkuṭī), **A Nan Đát Trí** Minh Vương (Anantaṭī), **Lộ Ca Trí** Minh Vương (Lokaṭī), **Bộ Di Bát La Bá Trí** Minh Vương (Bhūmi-prāpaṭī), **Vĩ Tả La Trí** Minh Vương (Vimalaṭī), **Tất Đa Thấp Phộc Đát** Minh Vương (Sitā-śvetā), **Ma Hạ Thấp Phộc Đát** Minh Vương (Mahāśvetā), **Bạch Y** Minh Vương (Pāṇḍara-vāsini), **Thế Y** Minh Vương (Loka-vāsini), **Vô Cấu Y** Minh Vương (Vimala-vāsini), **Giác Hữu Y** Minh Vương (Abja-vāsini), **Liên Hoa Y** Minh Vương (Padma-vāsini), **Thập Phương Y** Minh Vương (Daśabala-vāsini), **Xứng Ý** Minh Vương (Yaśovatī), **Phước Đức** Minh Vương (Bhogavatī), **Đại Phước Đức** Minh Vương (Mahābhogavatī), **Ổ Lộ Ca** Minh Vương (Ulūkā), **Tận Cấu** Minh Vương (Alokā), **Đắc Thanh Tịnh** Minh Vương (Amalāntakarī), **Phổ Vi** Minh Vương (Samantānta-karī), **Tận Khổ** Minh Vương (Duhkhānta-karī), **Bức Quỷ** Minh Vương (Bbhūtānta-karī), **Cát Tường** Minh Vương (Śriyā), **Đại Cát Tường** Minh Vương (Mahā-śriyā), **Thấp Cát Tường** Minh Vương (Bhūpa-śriyā), **Vô Biên Cát Tường** Minh Vương (Ananta-śriyā), **Thế Cát Tường** Minh Vương (Loka-śriyā), **Danh Xưng Cát Tường** Minh Vương (Vikhyāta-śriyā), **Thế Mẫu** Minh Vương (Loka-mātā), **Phổ Mẫu** Minh Vương (Samanta-mātā), **Phật Mẫu** Minh Vương (Buddha-mātā), **Bà Nghê Nễ** Minh Vương (Bhagini), **Bà Nghê La Thễ** Minh Vương (Bhāgīrathī), **Tô La Thễ** Minh Vương (Surathī), **La Tha Phộc Đế** Minh Vương (Rathavatī), **Năng Nga Nan Đa** Minh Vương (Nāga-dantā), **Nại Ma Nễ** Minh Vương (Damanī), **Bộ Đa Phộc Đế** Minh Vương (Bhūtavatī), **A La Lý Sa Ni** Minh Vương (Ākarṣaṇī), **Án Bộ Đa La Thấp Di** Minh Vương (Adbhutā-raśmī), **Tô La Sa** Minh Vương (Surasā), **Tô La Phộc Đế** Minh Vương (Suravatī), **Bát La Mẫu Nại** Minh Vương (Pramodā), **A Tức Lý Phộc Đế** Minh Vương (Dyutivatī), **Đát Trí** Minh Vương (Taṭī), **Tam Mãn Đa Đát Trí** Minh Vương (Samanta-taṭī), **Quang Minh** Minh Vương (Jyotsnā), **Thâm Thiện** Minh Vương (Somā), **Đại Thiện** Minh Vương (Somā-vatī), **Khổng Tước** Minh Vương (Māyūrī), **Đại Tài** Minh Vương (Dhanavatī), **Thí Tài** Minh Vương (Dhanadadā), **Đại Thiên** Minh Vương (Suravatī), **Đại Thế** Minh Vương (Lokavatī), **Dương Diệm Minh** Minh Vương (Arciṣmatī), **Đại Hỏa** Minh Vương (Bṛhannalā), **Trường Thọ** Minh Vương (Bṛhantā), **Cao Thanh** Minh Vương (Sughoṣā), **Diệu Hồng** Minh Vương (Sunandā), **Đại Địa** Minh Vương (Vasudā), **Trừ Bệnh** Minh Vương (Rogāntikā), **Ly Nhất Thiết Bệnh** Minh Vương (Sarva-vyādhī-cikitsanī), **Vô Ngã** Minh Vương (Anātman), **Hiền Thánh** Minh Vương (Asamā-devī), **Đức Xưng** Minh Vương (Khyāti-karī), **Kính Ái** Minh Vương (Vāśa-karī), **Tốc Tác** Minh Vương (Kṣiprakarī), **Vô Úy Cát Tường** Minh Vương (Kṣemadā-maṅgalā), **Tiêu Trừ Bất Cát** Minh Vương (Maṅgalāvahā), **Nguyệt** Minh Vương (Candrā), **Diệu Nguyệt** Minh Vương (Sucandrā), **Đại Nguyệt** Minh Vương (Candrā-vatī), **Bát La Noa Thiết Phộc Lý** Minh Vương (Parṇāsavari), **Tâm Ngu Lệ** Minh Vương (Jāṅguli), **Mạt Năng Tế** Minh Vương (Mānasī), **Nỗ Đa** Minh Vương (Dūta), **Nỗ Đế** Minh Vương (Dūtī), **Tức**

Tra Minh Vương (Ceṭa), **Tức Trí** Minh Vương (Ceṭī), **Khẩn Ca La** Minh Vương (Kiṅkara), **Khẩn Ca Lý** Minh Vương (Kiṅkarī), **Đạ Xoa** Minh Vương (Yakṣa), **Đạ Sát** Minh Vương (Yakṣī), **La Xoa Sa** Minh Vương (Rākṣasa), **La Xoa Tế** Minh Vương (Rākṣasī), **Tỳ Xá Tả** Minh Vương (Piśāca), **Tỳ Xá Chỉ** Minh Vương (Piśācī).

Nhóm **Nữ Thân Minh Vương** như vậy nhập vào **Liên Hoa Tộc Tam Muội Diệu Quán Vô Biên Chính Pháp**, Tự Tính lặng yên trong suốt (trạm nhiên) giống như hư không, thực hành Bồ Tát Hạnh, yêu thích biến hóa cùng với **Thanh Tịnh Bồ Tát** đi đến chỗ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên Trời Tịnh Quang, đứng trước mặt Đức Phật, cung kính cúng dường

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG BỒ TÁT TẠNG
VĂN THÙ SỰ LỢI CĂN BẢN NGHI QUỸ
QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)